

MOVERS PRACTICE 24

I. Viết dấu hiệu nhận biết vào đúng thì

now every day last month
always never at present
Listen! 1 hour ago sometimes
Look! once a week right now
yesterday last night often
last year last morning Be quiet!

HIỆN TẠI ĐƠN	HIỆN TẠI TIẾP DIỄN	QUÁ KHỨ ĐƠN

II. Chọn đáp án đúng

1. Thì nào dùng để diễn tả 1 việc lặp đi lặp lại?
A. Hiện tại đơn

- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

2. Thì nào dùng để diễn tả 1 việc đang xảy ra ngay bây giờ?

- A. Hiện tại đơn**
- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

3. Thì nào dùng để diễn tả 1 sự thật, chân lý?

- A. Hiện tại đơn**
- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

4. Thì nào dùng để diễn tả 1 việc đã xảy ra trong quá khứ và đã chấm dứt?

- A. Hiện tại đơn**
- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

5. Thì nào dùng để diễn tả 1 thói quen?

- A. Hiện tại đơn**
- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

III. Đọc các câu sau và cho biết câu đang sử dụng thì gì

(HIỆN TẠI ĐƠN) (HIỆN TẠI TIẾP DIỄN)
(QUÁ KHỨ ĐƠN)

1. My mom **goes** to work every day _____
2. He **didn't brush** his teeth this morning _____
3. They always **play** tennis after school _____
4. The baby **is sleeping** _____
5. My dad **is** very tall _____
6. I **don't have** a lot of money _____
7. He **is not doing** his homework _____
8. She **doesn't like** dancing _____
9. My dad **drove** to work yesterday _____
10. My friends **went** to the beach last week _____
11. **Is** she **washing** the car? _____
12. **Did** you **visit** your grandparents last night? _____
13. He never **reads** stories _____
14. We **are** students _____
15. She **listens** to music every morning _____
16. He **was** so tired because he **didn't have** enough sleep last night _____
17. What **are** you **doing**? _____
18. They **weren't** happy _____
19. How often **do** you **play** soccer? _____

20. We **ate** a lot of bread and chocolate

21. What time **did** you **get** up this morning? _____
22. What time **is** it? _____
23. They **Painted** the pictures 2 hours ago _____
24. I **was** late for school yesterday _____
25. Where **are** you **going**? _____
26. **Did** you **call** me last night? _____
27. How long **does** it **take** you to do your homework? _____
28. She **isn't** friendly and funny _____
29. We **don't** often **swim** in the sea _____
30. Why **did** the baby **cry** last night? _____

IV. Use Simple Present Tense

(Dùng Thì hiện tại đơn)

1. My brother _____(brush) his teeth every day.
2. They _____(not/go) to work on Sunday.
3. My dad _____(not/ like) fishing.
4. We _____(not/be) students, we _____(be) teachers.

5. What time _____ you _____ (get) up every morning?
6. How often _____ your mom _____ (wash) her car?

V. Use Present Continuous Tense

(Sử dụng Thì Hiện tại tiếp diễn)

1. My brother _____ (play) games right now.
2. Where _____ you _____ (go) at the moment?
→ I _____ (go) to the supermarket now.
3. Listen! The birds _____ (sing)
4. My mom _____ (not/ cook) in the kitchen now, she _____ (watch) TV.
5. My sister _____ (swim) in the pool at present.

VI. Use Simple Past Tense

(Sử dụng Thì Quá khứ đơn)

1. She _____ (go) to work last week.

2. They _____(not/be) tired yesterday.
3. Who _____he _____(visit) 3 days ago?
4. My mom _____(not/ drive) a car to work this morning.
5. My dad _____(buy) a lot of toys for me last week.

VII. Use correct tense

(Sử dụng đúng thì)

1. My brother _____(go) to school every day.
2. Listen! The baby _____(cry)
3. Who _____(be) you?
4. My parents _____(not/ work) on Saturday and Sunday.
5. My grandparents _____(do) the gardening right now.
6. Yesterday morning, I _____ (see) my teacher in the park.

7. _____ you _____ (visit) your grandpa last month?
8. Last night, my sister _____ (not/do) her homework.
9. I _____ (not/be) tired this morning but I _____ (feel) sleepy.
10. Why _____ you _____ (look) very sad now?
11. Who _____ your mom _____ (talk) with at present?
12. There _____ (be) 4 people in my family.
13. She never _____ (brush) her teeth after lunch, but she always _____ (wash) her hands before eating.
14. I often _____ (fly) a kite after school. My brother usually _____ (study) English on his computer and my sister never _____ (do) the housework to help my mom.

15. At the moment, my mom _____
(not/cook) , but she _____ (wash) the
dishes in the kitchen.
16. My teacher sometimes _____(give) us
some homework.
17. My sister _____(like) drawing and
painting. 1 hour ago, she _____(draw) a
picture and _____(paint) a picture.
18. They _____(not/ be) my friends. They
_____ (be) my cousins.
19. Last weekend, we _____(not/be) at
home. We _____(be) at the beach with
our family. We _____(eat) lots of
seafood and _____(play) a lot of water
sports, but we _____(not/take) any
photos.
20. Every morning, my mom _____ (get) up at
6:00. Then, she _____ (do) exercise and
_____ (clean) her bedroom. After that, she
_____ (brush) her teeth and _____ (wash) her
face, but she _____ (not/ go) to the market.

-----**THE END**-----